

Số: 3600/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ
Giao thông vận tải giai đoạn 2011-2015**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển CNTT-TT Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ Giao thông vận tải giai đoạn 2011-2015.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3: Chánh Văn phòng Bộ, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch đầu tư, Tài chính, Khoa học công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính, TT&TT;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu VT, TTCNTT.



BỘ TRƯỞNG *Handwritten signature*

Hồ Nghĩa Dũng

KẾ HOẠCH

**ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA
BỘ GTVT GIAI ĐOẠN 2011-2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3600 /QĐ-BGTVT ngày 21 /12/2010 của
Bộ trưởng Bộ GTVT)*

I. Căn cứ lập Kế hoạch

- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006.
- Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005.
- Chỉ thị số 58/CT-TW ngày 17/10/2000 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước.
- Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển CNTT-TT Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.
- Quyết định số 48/2009/QĐ-TTg ngày 31/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2009-2010.
- Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015.
- Quyết định số 1600/QĐ-BTTTT ngày 24/10/2008 của Bộ trưởng Bộ TTTT phê duyệt KH ứng dụng CNTT giai đoạn 2009-2010 của Bộ GTVT.
- Thông báo số 67/TB-BGTVT ngày 26/2/2009 về Kết luận của Bộ trưởng Bộ GTVT tại Hội nghị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ GTVT năm 2009.

II. Hiện trạng ứng dụng CNTT trong hoạt động của Bộ GTVT

1. Tại cơ quan Bộ GTVT

1.1 Hạ tầng kỹ thuật

Trung tâm Tích hợp dữ liệu có 12 máy chủ và các thiết bị bảo vệ an ninh và thiết bị kết nối mạng và một số phần mềm cài đặt cho máy chủ

- Mạng LAN của Bộ GTVT có trên 250 máy vi tính, trên 150 máy in và 20 thiết bị chuyển mạch (Switch) tốc độ 10/100/1000Mbps, được chia thành các VLAN. 100% máy tính của cơ quan Bộ GTVT được kết nối với Internet.

- Mạng WAN của Bộ GTVT được kết nối từ Bộ tới các Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ bằng công nghệ VPN. Tại Bộ GTVT đặt thiết bị VPN trung tâm, tại các Cục đặt thiết bị VPN gateway. Tuy nhiên, hiện trạng sử dụng đường truyền này để kết nối truyền dữ liệu giữa các Cục quản lý chuyên ngành và Bộ vẫn còn hạn chế do việc triển khai các ứng dụng chuyên ngành, chia sẻ dữ liệu giữa các Cục và Bộ chưa đồng bộ.

- Đường truyền kết nối: Có 01 đường truyền FTTH với 1 địa chỉ IP tĩnh, có tốc độ 10Mbps; 01 đường leasedline 10Mbps+1 (10 Mbps trong nước và 1 Mbps đi quốc tế với 64 địa chỉ IP tĩnh để phục vụ việc truy cập các cơ sở dữ liệu của Bộ từ bên ngoài; 01 đường truyền cáp quang tốc độ 100Mbps do Cục Bưu điện Trung ương trang bị.

1.2 Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành

Các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu Bộ đã triển khai xây dựng gồm: Hệ thống thư điện tử Bộ GTVT, Phần mềm quản lý văn bản đi, văn bản đến, văn bản trình ký, lịch công tác của Lãnh đạo Bộ, Website của Bộ GTVT, Các trang thông tin điện tử chuyên ngành khác như Cải cách hành chính, An toàn giao thông, Thông tin đấu thầu, Phòng chống bão lũ,....

2. Tại các Cục quản lý chuyên ngành

2.1. Hạ tầng kỹ thuật

Hầu hết các Cục đã có mạng LAN riêng, có hệ thống máy chủ, thiết bị mạng LAN để phục vụ các ứng dụng của nội bộ, như:

- Cục Hàng hải Việt Nam: Có hệ thống 12 máy máy chủ mạnh, có mạng LAN, trên 100 máy trạm đã kết nối vào mạng LAN và kết nối Internet. Có 01 đường trục backbone nối 2 trung tâm (HN-HCM), 2 đường leased-line 521kbps và một số đường ADSL, có IP tĩnh. Kết nối mạng VPN với Bộ GTVT bằng thiết bị VPN gateway.

- Cục Đăng kiểm Việt Nam: Có hệ thống 05 máy máy chủ mạnh, có mạng LAN với hơn 250 PC đã kết nối vào mạng, đã kết nối Internet. Có 1 Lease line 256kbps, 02 ADSL, nhà cung cấp dịch vụ VDC. Kết nối mạng VPN với Bộ GTVT bằng thiết bị VPN gateway.

- Tổng cục Đường bộ Việt Nam: Có trên 80 máy tính, các máy tính đã kết nối mạng LAN, đã kết nối Internet. Có máy chủ (05 máy). Có 01 đường Lease line 128kbps, ADSL, Nhà cung cấp dịch vụ Viettel. Kết nối mạng VPN với Bộ GTVT bằng thiết bị VPN gateway.

- Cục Hàng không Việt Nam: Có trên 100 máy tính đã kết nối mạng, đã kết nối Internet. Có máy chủ (06 máy). Có một đường ADSL (IP động), nhà cung cấp dịch vụ VDC. Kết nối mạng VPN với Bộ GTVT bằng thiết bị VPN gateway.

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam: Có mạng LAN, có trên 40 máy tính đã kết nối mạng, có máy chủ (01 máy), đã kết nối trực tiếp vào mạng LAN của Bộ. Không có thiết bị phục vụ kết nối mạng WAN, VPN với Bộ.

- Cục Đường sắt Việt Nam: Có trên 40 máy tính, các máy tính đã nối mạng LAN. Có một đường MegaVNN, nhà cung cấp dịch vụ VNN. Kết nối mạng VPN với Bộ GTVT bằng thiết bị VPN gateway.

- Cục Quản lý xây dựng và chất lượng CTGTVT: Có trên 60 máy tính, chưa có mạng LAN. Kết nối mạng VPN với Bộ GTVT bằng thiết bị VPN gateway.

- Cục Y tế GTVT chưa xây dựng mạng nội bộ (mạng LAN), một số đơn vị có kết nối Internet qua ADSL. Do đó việc trao đổi thông tin, tổng hợp báo cáo tại các đơn vị còn gặp nhiều khó khăn.

2.2. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành

- Cục Hàng hải Việt Nam: đã xây dựng Website của Cục; Xây dựng các CSDL tàu ra vào cảng, quản lý cảng biển, tàu biển và thuyền viên: phần mềm quản lý văn bản; quản lý thông tin cảng biển; quản lý khai thác kết cấu hạ tầng cảng biển; quản lý nhân sự, tiền lương và đào tạo; quản lý thông tin báo cáo tài chính; đăng ký tàu biển và thuyền viên; quản lý thủ tục tàu ra vào cảng; quản lý thư viện; quản lý số thuyền viên và các GCN, chứng chỉ thuyền viên.

- Tổng cục Đường bộ Việt Nam: đã xây dựng Website của Tổng cục, tuy nhiên việc cập nhật thông tin còn chưa kịp thời, nội dung Website còn nghèo nàn, sự tương thích của Website đối với các trình duyệt Web còn hạn chế; Sử dụng các phần mềm phục vụ công tác văn phòng; Xây dựng các CSDL về cầu, về quản lý quốc lộ, đường giao thông địa phương... Tổng cục Đường bộ cũng đã triển khai nhiều dự án liên quan đến cơ sở hạ tầng giao thông như Dự án hỗ trợ kỹ thuật của ADB3 về quản lý quốc lộ (gần 2 triệu USD), dự án quản lý cầu đường bộ (do JBIC hỗ trợ), dự án quản lý giao thông địa phương (do dự án GTNT 3 hỗ trợ).

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam đã xây dựng Website của Cục, xây dựng một số cơ sở dữ liệu như CSDL văn bản QPPL ngành đường thủy nội địa, CSDL về phương tiện thủy. Đặc biệt Cục Đường thủy nội địa cũng đã triển khai một số dự án liên quan đến cơ sở hạ tầng như dự án hệ thống thông tin về các tuyến đường thủy phía Bắc do Canada hỗ trợ, dự án quản lý 2 tuyến đường thủy phía nam mới xong năm 2006.

- Cục Đăng kiểm Việt Nam: đã xây dựng Website của Cục phục vụ hoạt động tác nghiệp của cán bộ và thông tin quản bá các tin tức, văn bản, dữ liệu về phương tiện GTVT. Quản lý đăng kiểm phương tiện vận tải, quản lý công văn.

- Cục Hàng không Việt Nam: Sử dụng các phần mềm phục vụ công tác văn phòng, phần mềm quản lý bay.

- Cục Đường sắt Việt Nam, Cục Giám định và quản lý chất lượng CTGT: Sử dụng các phần mềm phục vụ công tác văn phòng và một số ứng dụng khác.

- Cục Y tế GTVT: Các phần mềm ứng dụng về quản lý, chuyên môn nghiệp vụ như quản lý bệnh viện, quản lý hệ y tế dự phòng tại các đơn vị còn bị hạn chế. Hiện chỉ mới có một số phần mềm ứng dụng trên máy tính riêng lẻ như

phần mềm quản lý tài chính kế toán TCCTDI, phần mềm quản lý báo cáo thống kê bệnh viện và hồ sơ bệnh án Medisoft do Bộ Y tế ban hành...

3. Tỷ lệ trung bình máy tính/CBCC: 82%

4. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp

Bộ GTVT và 7/8 Cục quản lý chuyên ngành đã có Trang thông tin điện tử cung cấp thông tin theo Điều 28 của Luật Công nghệ thông tin và các dịch vụ công (chủ yếu ở mức 1).

5. Hiện trạng về nguồn nhân lực ứng dụng CNTT

Bộ phận chuyên trách công nghệ thông tin tại các Cục Quản lý chuyên ngành chưa được kiện toàn (Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông và Cục Y tế GTVT chưa có cán bộ chuyên trách).

Kỹ năng ứng dụng CNTT trong công tác chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ công chức đạt hiệu quả chưa cao.

III. Dự án đang triển khai

- Dự án xây dựng Hệ thống thông tin GTVT (đã được Thủ tướng phê duyệt tại QĐ số 43/2008/QĐ-TTg ngày 24/3/2008) đang tổ chức triển khai.

- Dự án Xây dựng hệ cơ sở dữ liệu quản lý giấy phép lái xe thống nhất toàn quốc đã được Bộ trưởng Bộ GTVT phê duyệt tại Quyết định số 938/QĐ-BGTVT ngày 07/4/2010.

- Dự án mua sắm thiết bị nâng cấp hệ thống sát hạch cấp giấy phép lái xe. Nội dung và quy mô của dự án này là mua sắm thiết bị phục vụ công việc in giấy phép lái xe tại Tổng cục ĐBVN.

- Dự án đầu tư Xây dựng Trung tâm Quản lý tàu thuyền vận tải và CSDL tàu thuyền vận tải. Nội dung và quy mô của dự án này là xây dựng hệ thống quản lý CSDL về tàu thuyền vận tải nhằm phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và TKCN trên biển.

- Dự án đầu tư xây dựng thiết lập hệ thống nhận dạng và truy theo tầm xa (LRIT) (đã được phê duyệt tại Quyết định số 3125/QĐ-BGTVT ngày 29/10/2010). Nội dung và quy mô của dự án này là xây dựng hệ thống LRIT quốc gia, gồm: Hệ thống dữ liệu LRIT trung tâm quốc gia (National Data Center), hệ thống ứng dụng (Application Service Provider), hệ thống truyền thông (Communication Service Provider) theo tiêu chuẩn quốc tế; Quản lý, giám sát thông tin vị trí đối với các tàu theo quy định của Công ước SOLAS-74.

- Dự án Đầu tư hệ thống thông tin – truyền thông cho Thanh tra GTVT thuộc Đề án “Tăng cường biên chế, trang thiết bị cho lực lượng thanh tra GTVT” đã được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 05/3/2010, đang tổ chức triển khai.

IV. Mục tiêu ứng dụng CNTT trong hoạt động của Bộ GTVT

1. Mục tiêu đến năm 2015

1.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ Bộ GTVT

- 70% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan Nhà nước được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử.

- 100% các đơn vị thuộc Bộ triển khai sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng.

- 100% cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc.

- Bảo đảm các điều kiện về kỹ thuật cho 100% các cuộc họp tập trung của Bộ trên môi trường mạng.

- Bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động của Bộ GTVT

1.2. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

100% các Cục trực thuộc Bộ có cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo Điều 28 của Luật Công nghệ thông tin, cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và hầu hết các dịch vụ công cơ bản trực tuyến tối thiểu mức độ 3 tới người dân và doanh nghiệp.

2. Định hướng đến năm 2020

2.1. Hầu hết các dịch vụ công được cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đáp ứng nhu cầu thực tế, từng bước tích hợp các dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau.

2.2. Tích hợp các hệ thống thông tin, tạo lập các môi trường mạng phục vụ các hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ GTVT. Cán bộ, công chức có thể làm việc mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau.

V. Nội dung kế hoạch

1. Hạ tầng kỹ thuật

1.1. Nâng cấp, mở rộng mạng diện rộng (WAN) Bộ GTVT và kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, đảm bảo truyền dẫn thông tin thông suốt từ Bộ GTVT đến Văn phòng Chính phủ, các Bộ/ngành và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ GTVT.

1.2. Nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật mạng LAN tại cơ quan Bộ và các Cục quản lý chuyên ngành.

1.3. Xây dựng hệ thống an ninh, bảo mật tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu Bộ GTVT.

1.4. Triển khai chứng thực điện tử và chữ ký số trong các cơ quan thuộc Bộ GTVT với sự hỗ trợ của Ban cơ yếu Chính phủ.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ Bộ GTVT

2.1. Nâng cấp hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý văn bản điều hành, hệ thống thông tin nội bộ.

2.2. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng GTVT.

2.3. Xây dựng công thông tin tích hợp ngành GTVT.

2.4. Duy trì và hoàn thiện hệ thống thông tin GTVT.

2.5. Xây dựng mới, nâng cấp và hoàn thiện các cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý và các ứng dụng CNTT tại các cục quản lý chuyên ngành.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

3.1. Cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. Cho phép người sử dụng tải về các mẫu văn bản và khai báo để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu.

3.2. Cung cấp hầu hết các dịch vụ công cơ bản trực tuyến tối thiểu mức độ 3 tới người dân và doanh nghiệp (Danh mục nhóm các dịch vụ công trực tuyến được ưu tiên cung cấp tối thiểu ở mức độ 3 trong *Phụ lục 1* đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010).

3.3. Tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp bằng cách nâng cao hiệu quả kênh tiếp nhận ý kiến đóng góp của người dân trên môi trường mạng, tổ chức đối thoại trực tuyến, chuyên mục hỏi đáp trực tuyến về hoạt động của Bộ GTVT. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong việc tiếp nhận và trả lời ý kiến đóng góp của người dân trên môi trường mạng.

4. Nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT

4.1. Kiện toàn bộ phận chuyên trách CNTT tại các Cục quản lý CN.

4.2. Tổ chức đào tạo chuyên sâu về CNTT, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT trong các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ.

4.3. Phối hợp với Bộ TTTT trong công tác đào tạo nguồn nhân lực bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

4.4. Phối hợp với Công Đoàn Ngành GTVT trong việc tổ chức các hội thi nâng cao trình độ về CNTT của cán bộ, công nhân, viên chức toàn ngành.

4.5. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế về CNTT, cử cán bộ tìm hiểu và học tập ở nước ngoài.

VI. Giải pháp

1. Tổ chức chỉ đạo, điều hành

- Tăng cường sự chỉ đạo công tác ứng dụng công nghệ thông tin của Lãnh đạo Bộ và Thủ trưởng các Vụ, Cục và các đơn vị thuộc Bộ. Trung tâm CNTT là cơ quan thường trực, giúp việc cho Bộ trưởng chỉ đạo công tác ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ.

- Nâng cao năng lực ứng dụng Công nghệ thông tin của cán bộ công chức thuộc Bộ; kết hợp chặt chẽ với chương trình cải cách hành chính để ứng dụng Công nghệ thông tin hiệu quả.

- Phối hợp chặt chẽ với ban điều hành triển khai công tác ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trong quá trình chỉ đạo, điều hành.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra tình hình triển khai Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong các đơn vị thuộc Bộ.

- Kiện toàn mô hình tổ chức của Trung tâm CNTT và bộ phận chuyên trách CNTT tại các Cục quản lý chuyên ngành.

2. Bảo đảm môi trường pháp lý

- Xây dựng các chính sách, qui chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước (tham khảo TCVN ISO/IEC 27001:2009).

- Xây dựng các quy định nhằm giảm giấy tờ, tăng cường chia sẻ thông tin trong hoạt động của Bộ.

- Xây dựng quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trong hoạt động của Bộ.

- Xây dựng quy định về quản lý, khai thác các CSDL dữ liệu tích hợp từ các Cục quản lý chuyên ngành về Trung tâm tích hợp dữ liệu của Bộ.

- Xây dựng các quy định về quản lý, sử dụng hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số trong giao dịch điện tử công vụ của Bộ.

3. Bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ

- Tuyên truyền rộng rãi cho cán bộ, công chức nhằm nâng cao nhận thức và các lợi ích trong việc xây dựng Chính phủ điện tử.

- Tăng cường đào tạo, tập huấn kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức thuộc Bộ.

- Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin của các đơn vị thuộc Bộ.

- Lựa chọn đơn vị ứng dụng công nghệ thông tin điển hình để phổ biến triển khai nhân rộng.

- Bảo đảm nguồn kinh phí cho ứng dụng công nghệ thông tin trong kế hoạch ngân sách hàng năm của cơ quan nhà nước.

4. Học tập kinh nghiệm trong nước và quốc tế

- Tổ chức tìm hiểu thực tế, học tập kinh nghiệm của các đơn vị trong nước ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả.

- Triển khai các hoạt động tìm hiểu thực tế, học tập kinh nghiệm mô hình phát triển Chính phủ điện tử thành công quốc tế.

VII. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện kế hoạch được bố trí từ dự toán chi ngân sách hàng năm của Bộ GTVT (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VIII. Tổ chức thực hiện

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo về CNTT của Bộ GTVT

Thành lập Ban Chỉ đạo về ứng dụng CNTT của Bộ GTVT theo quy định của pháp luật; thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo về ứng dụng CNTT gồm: Đại diện Lãnh đạo đơn vị chuyên trách về CNTT làm Tổ trưởng và Lãnh đạo một số đơn vị thuộc Bộ GTVT là thành viên.

Giao Tổ giúp việc Ban chỉ đạo về ứng dụng CNTT chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện những nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ứng dụng CNTT.

Định kỳ hàng quý, Tổ giúp việc về ứng dụng CNTT lập báo cáo gửi Bộ trưởng và Ban chỉ đạo Quốc gia về CNTT về tình hình phát triển ứng dụng CNTT; căn cứ tình hình phát triển trong từng giai đoạn, phối hợp với đơn vị chuyên trách về CNTT của Bộ GTVT trình Bộ trưởng xem xét, quyết định điều chỉnh Kế hoạch ứng dụng CNTT cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế.

2. Đơn vị chuyên trách về CNTT của Bộ GTVT

Đơn vị chuyên trách về CNTT của Bộ GTVT có trách nhiệm:

Là đơn vị tham mưu, giúp Bộ trưởng Quản lý thống nhất các hoạt động ứng dụng CNTT trong phạm vi Bộ GTVT và Ngành GTVT, là đầu mối phối hợp và điều phối các hoạt động phát triển ứng dụng CNTT và thực hiện Chính phủ điện tử tại Bộ GTVT, là đầu mối tổ chức trao đổi kinh nghiệm, dữ liệu và các tài nguyên về CNTT với các đơn vị khác ngoài Bộ GTVT.

Tham mưu cho Bộ trưởng và Ban chỉ đạo về ứng dụng CNTT trong việc ứng dụng CNTT của Bộ GTVT, chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức xây dựng, rà soát điều chỉnh kế hoạch tổng thể về ứng dụng CNTT của Bộ GTVT; định kỳ theo quý, lập báo cáo gửi Bộ trưởng và Ban chỉ đạo CNTT của Bộ GTVT về tình hình triển khai kế hoạch tổng thể ứng dụng CNTT trong hoạt động của Bộ GTVT và Ngành GTVT.

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và Tổ giúp việc Ban chỉ đạo về ứng dụng CNTT của Bộ GTVT tổ chức điều phối các dự án đầu tư ứng dụng CNTT của Bộ GTVT, tư vấn hỗ trợ về mặt kỹ thuật CNTT cho các đơn vị được giao làm chủ đầu tư, tổ chức giám sát, kiểm tra việc tổ chức quản lý thực hiện các dự án đầu tư ứng dụng CNTT của Bộ GTVT.

3. Các đơn vị trực thuộc Bộ GTVT

Các đơn vị trực thuộc Bộ GTVT có trách nhiệm :

Xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách về ứng dụng CNTT, đáp ứng yêu cầu triển khai các ứng dụng CNTT của đơn vị trước mắt cũng như lâu dài.

Căn cứ kế hoạch được phê duyệt, tổ chức xây dựng dự án đầu tư ứng dụng CNTT được giao chủ trì đúng tiến độ và quy định của pháp luật, trình Lãnh đạo Bộ GTVT để tổ chức thẩm định, phê duyệt đầu tư theo quy định của pháp luật.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện đầu tư các dự án ứng dụng CNTT đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật hiện hành; gửi báo cáo kết quả thực hiện hàng quý cho đơn vị chuyên trách về CNTT của Bộ GTVT để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng, Ban chỉ đạo ứng dụng CNTT của Bộ GTVT và Ban chỉ đạo Quốc gia về CNTT theo quy định của pháp luật.

IX. Lộ trình thực hiện

STT	Tên dự án	Lộ trình thực hiện				
		2011	2012	2013	2014	2015
1.	Xây dựng Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến.					
2.	Ứng dụng CNTT trong công tác thu thập, tổng hợp số liệu báo cáo, thống kê định kỳ của Bộ GTVT.					
3.	Xây dựng hệ thống an ninh, bảo mật tại Trung tâm THDL Bộ GTVT.					
4.	Nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật mạng LAN tại cơ quan Bộ GTVT.					
5.	Xây dựng công thông tin tích hợp ngành GTVT.					
6.	Triển khai chương trình quản lý NSNN, quyết toán NSNN của Bộ GTVT.					
7.	Xây dựng hệ thống thông tin thống kê báo cáo tình hình trật tự ATGT.					
8.	Nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật mạng LAN tại các Cục QLCN.					
9.	Xây dựng phần mềm quản lý bệnh viện.					
10.	Xây dựng hệ thống Monitoring giám sát các nút giao thông trọng điểm.			■		
11.	Duy trì và hoàn thiện hệ thống thông tin GTVT.					
12.	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng GTVT.					
13.	Nâng cấp hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý văn bản điều hành và hệ thống thông tin nội bộ.					
14.	Triển khai chứng thực điện tử và chữ ký số trong các cơ quan thuộc Bộ GTVT.					
15.	Duy trì và hoàn thiện hệ thống thông tin CSDL về môi trường ngành GTVT.					
16.	Hiện đại hóa hệ thống CNTT và khai báo điện tử của các cảng vụ và Cục Hàng hải Việt Nam.					
17.	Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu Tổng cục Đường bộ VN.					

X. Danh mục dự án thực hiện trong giai đoạn 2011-2015

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì Cơ quan phối hợp	Ghi chú
1.	Nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật mạng LAN tại cơ quan Bộ GTVT.	2011-2013	<u>Trung tâm CNTT</u> Văn phòng Bộ	
2.	Xây dựng hệ thống an ninh, bảo mật tại Trung tâm THDL Bộ GTVT.	2011-2012	<u>Trung tâm CNTT</u> Văn phòng Bộ	
3.	Triển khai chứng thực điện tử và chữ ký số trong các cơ quan thuộc Bộ GTVT	2011-2015	<u>Trung tâm CNTT</u> Ban Cơ yếu Chính phủ, Văn phòng Bộ, Các Cục quản lý CN	
4.	Xây dựng Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến.	2011	<u>Trung tâm CNTT</u> Văn phòng Bộ, Các Cục: Hàng hải VN, ĐTNĐ VN.	
5.	Xây dựng công thông tin tích hợp ngành GTVT.	2011-2013	<u>Trung tâm CNTT</u> Văn phòng Bộ	
6.	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng GTVT	2011-2015	<u>Trung tâm CNTT</u> Văn phòng Bộ, Các Cục quản lý CN, Các Ban QLDA	
7.	Nâng cấp hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý văn bản điều hành và hệ thống thông tin nội bộ.	2011-2015	<u>Văn phòng Bộ</u> Trung tâm CNTT, Các Cục quản lý CN	
8.	Duy trì và hoàn thiện hệ thống thông tin GTVT.	2011-2015	<u>Trung tâm CNTT</u> Văn phòng Bộ, Các Cục quản lý CN	
9.	Duy trì và hoàn thiện hệ thống thông tin CSDL về môi trường ngành GTVT	2011-2015	<u>Vu Môi trường</u> Các đơn vị liên quan phối hợp	
10.	Ứng dụng CNTT trong công tác thu thập, tổng hợp số liệu báo cáo, thống kê định kỳ của Bộ GTVT.	2011-2012	<u>Vu KHĐT</u> Trung tâm CNTT và các đơn vị liên quan phối hợp	
11.	Triển khai chương trình quản lý NSNN, quyết toán NSNN của Bộ GTVT.	2011-2013	<u>Vu Tài chính</u> Trung tâm CNTT và các đơn vị liên quan phối hợp	
12.	Xây dựng hệ thống thông tin thống kê báo cáo tình hình trật tự ATGT.	2011-2013	<u>Vu ATGT</u> Các đơn vị liên quan phối	

			hợp	
13.	Nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật mạng LAN tại các Cục quản lý chuyên ngành.	2011-2013	<u>Các Cục quản lý CN</u>	
14.	Hiện đại hóa hệ thống CNTT và khai báo điện tử của các cảng vụ và Cục Hàng hải Việt Nam.	2011-2015	<u>Cục Hàng hải VN</u>	Đã đưa vào KH 2009-2010 và đã được Bộ TTTT phê duyệt
15.	Xây dựng hệ thống Monitoring giám sát các nút giao thông trọng điểm.	2013	<u>Tổng cục Đường bộ VN</u>	
16.	Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu Tổng cục Đường bộ VN.	2011-2015	<u>Tổng cục Đường bộ VN</u>	5
17.	Xây dựng phần mềm quản lý bệnh viện.	2011-2013	<u>Cục Y tế GTVT</u>	



PHỤ LỤC 1

DANH MỤC NHÓM CÁC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN ĐƯỢC ƯU TIÊN CUNG CẤP TỐI THIỂU MỨC ĐỘ 3

(Theo Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Đường bộ
1. Cấp đổi giấy phép lái xe
2. Đăng ký các tuyến vận tải
3. Cấp phép lưu hành đặc biệt
II. Hàng hải
1. Cấp phép thủ tục cho tàu ra vào cảng
2. Cấp phép thủ tục thuyền viên
3. Đăng ký tàu biển
III. Hàng không
1. Cấp giấy phép bay đi, đến cho các chuyến bay thực hiện hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam
2. Cấp phép bay qua vùng trời Việt Nam cho các chuyến bay thực hiện hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam
3. Đăng ký giá cước vận chuyển hành khách nội địa, giá dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay
4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không của các hãng hàng không nước ngoài
IV. Đường thủy nội địa
1. Cấp, cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.
2. Cấp, cấp lại giấy phép hoạt động bến khách ngang sông.
3. Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.
4. Đổi bằng thuyền trưởng, máy trưởng phương tiện thủy nội địa.